

Số: 1600942

|                                            | Kia K5 2.0 Luxury                      | New Peugeot 2008 GT      |
|--------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>849.000.000đ</b>                    | <b>899.000.000đ</b>      |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                        |                          |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4905 x 1860 x 1465                     | 4300 x 1785 x 1580       |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2850                                   | 2605                     |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5490                                   |                          |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 135                                    | 185                      |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1450                                   |                          |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1900                                   |                          |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 510                                    | 434                      |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 60                                     |                          |
| Số chỗ ngồi                                | 5                                      | 5                        |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                       | SX-LR trong nước         |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                        |                          |
| Loại động cơ                               | 2.0 MPI                                | 1.2L Turbo Puretech      |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1999                                   |                          |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 150 / 6200                             | 133 @ 4000 – 6000        |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 192 / 4000                             | 230 @ 1750 – 3500        |
| Hộp số                                     | 6AT                                    | 6AT                      |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                        | Cầu trước (FWD)          |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                              | Độc lập Mc Pherson       |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                       | Bán độc lập              |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                    | Đĩa                      |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                    | Đĩa                      |
| Thông số lốp xe                            | 235/45 R18                             | 215/55 R18               |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 9.6                                    |                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.4                                    |                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.9                                    |                          |
| Chế độ lái                                 | Normal / Comfort / Eco / Sport / Smart | Eco/Normal/Sport/Manual  |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                        |                          |
| Cụm đèn trước                              | LED                                    | LED Projector            |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                      | ●                        |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                      | ● (Dạng móng vuốt sư tử) |
| Đèn sương mù                               | LED                                    |                          |
| Cụm đèn sau                                | LED                                    | LED                      |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                      | ●                        |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                      | ●                        |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                        |                          |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                      | ●                        |
| Chất liệu ghế                              | Da                                     | Bọc da Alcantara         |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                      | ● (Massage)              |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                      |                          |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                                      | ●                        |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ●                                      |                          |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi           | ●                                      | ●                        |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                                      | ●                        |

|                                         |                |                          |
|-----------------------------------------|----------------|--------------------------|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin           | Full LCD 12.3" | 10-inch hiệu ứng 3D      |
| Màn hình giải trí trung tâm             | AVN 10.25      | 10-inch                  |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto      | ●              | Apple Carplay/MirrorLink |
| Hệ thống điều hòa tự động               | ●              | ●                        |
| Số vùng khí hậu điều hòa                | 2              | 1                        |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                | ●              | ●                        |
| Chìa khóa thông minh                    | ●              | ●                        |
| Khởi động nút bấm                       | ●              | ●                        |
| Khởi động từ xa                         | ●              |                          |
| Hệ thống âm thanh                       | 6 loa          | 6 loa                    |
| Lấy chuyển số                           | ●              |                          |
| Sạc không dây Qi                        | ●              | ●                        |
| Phanh đỗ điện tử                        | ●              | ●                        |
| Giữ phanh tự động Autohold              | ●              |                          |
| Đèn trang trí nội thất                  | ●              |                          |
| Rèm che nắng                            | ●              |                          |
| <b>AN TOÀN:</b>                         |                |                          |
| Số túi khí                              | 6              | 6                        |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●              | ●                        |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●              | ●                        |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●              | ●                        |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●              | ●                        |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●              | ●                        |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●              |                          |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & sau    | Trước & Sau              |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●              | ●                        |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●              | ●                        |
| Camera lùi                              | ●(Camera 360)  | ●                        |